

Bản án số: 60/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 15.10.2018

V/v: "Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Vũ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thuận

Ông Trần Lâm

Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Hưng – Chức vụ: Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Bách - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; Địa chỉ: Số 48 đường Trần Xuân Lê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 184/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2018 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 184/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị T** - sinh năm 1971; Nơi cư trú: Số nhà A đường B, tổ C, phường D, quận E, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông **Dương Phước B** - sinh năm 1969; Nơi cư trú: Số nhà A đường B, tổ C, phường D, quận E, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 4 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 12 tháng 4 năm 2018, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Huỳnh Thị T trình bày :

Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị T và ông Dương Phước B đã đăng ký kết hôn vào ngày 20/8/1999 tại UBND thị trấn Khâm Đức, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại địa chỉ: Tổ 38, phường An Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, quan điểm sống không hợp, ông B Ngoại tình với nhiều phụ nữ khác, nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông B không bỏ nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn và thực tế vợ chồng tôi đã sống ly thân gần

một năm nay, không ai quan tâm chăm sóc nhau trong cuộc sống. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã quá mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông Dương Phước B.

Về quan hệ con chung: Bà T xác định có 02 con chung là Dương Thị Ngọc B - sinh ngày 10/10/1994 và Dương Huỳnh Tuyết N - sinh ngày 16/7/2003. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Dương Huỳnh Tuyết N và yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng. Còn con Dương Thị Ngọc B đã trưởng thành (Tự có khả năng lao động nuôi sống bản thân) nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có tạo dựng được khối tài sản chung gồm:

- + 01 lô đất và ngôi nhà tại địa chỉ số B đường C quận D, thành phố Đà Nẵng. Nhà và đất trị giá 2.303.378.074 đồng, chia đôi, mỗi người 1/2 giá trị.

- + 01 xe ô tô tải 1,25 tấn, BKS: 43C-021.77. Trị giá: 138.209.717 đồng, chia đôi, mỗi người 1/2 giá trị.

- + 01 xe ô tô BKS: 43A-236.32, nhãn hiệu TOYOTA theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 030595 do Công an TP Đà Nẵng cấp ngày 03/12/2016. Trị giá: 329.187.150 đồng, chia đôi, mỗi người 1/2 giá trị.

- + 01 ngôi nhà tại địa chỉ số nhà A đường B, tổ C, phường D, quận E, thành phố Đà Nẵng (Đây là đất của quân đội cấp cho quân nhân, phần nhà làm trên đất là tài sản chung của vợ chồng). Tổng giá trị nhà và đất là 3.792.505.586 đồng, (trong đó giá trị quyền sử dụng đất là 2.772.831.587 đồng, giá trị quyền sở hữu nhà là 1.019.674 đồng). Tôi có nguyện vọng: Đối với giá trị quyền sở hữu nhà là 1.019.674 đồng, chia đôi, mỗi người 1/2 giá trị; Đối với giá trị quyền sử dụng đất là 2.772.831.587 đồng tôi muốn được 2/3 giá trị, ông B được 1/3 giá trị, lý do đây là đất quân đội cấp cho tôi nên tôi phải được hưởng nhiều hơn. Tôi có nguyện vọng nhận nhà và đất này và thối trả phần chênh lệch cho ông B.

Tại phiên tòa bà Huỳnh Thị T xin được rút yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T xác định không.

Theo lời khai tại các biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, ông Dương Phước B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Dương Phước B thống nhất như lời trình bày của bà T về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng, tuy nhiên mâu thuẫn đó chỉ là nhỏ chưa đến mức trầm trọng như bà T trình bày. Ông có nguyện vọng xin được đoàn tụ để xây dựng gia đình, lo cho con cái. Nhưng nếu bà T cương quyết ly hôn thì ông đồng ý.

Về quan hệ con chung: Ông B thống nhất như lời trình bày của bà T về con chung, ông T cũng có nguyện vọng được nuôi con chung là Dương Huỳnh Tuyết N - sinh ngày 16/7/2003. Nếu bà T cương quyết được nuôi con chung thì ông đồng ý giao con cho bà T nuôi dưỡng và ông đồng ý cấp dưỡng phí tổn nuôi con mỗi tháng

2.000.000đ cho đến khi con trưởng thành. Đối con chung Dương Thị Ngọc B - sinh ngày 10/10/1994 đã trưởng thành (tự có khả năng lao động) nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung: Tại phiên tòa hôm nay, bà T rút yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, ông đồng ý và không có ý kiến gì.

Về nợ chung: ông B xác định không có.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tranh tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán, HĐXX và Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, xét thấy yêu cầu xin được ly hôn của bà Huỳnh Thị T đối với ông Dương Phước B là có căn cứ phù hợp với Điều 51 và Điều 56 và 58 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị HĐXX chấp nhận

- Về con chung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà T.

- Về Tài sản chung: Tại phiên tòa bà T rút yêu cầu chia tài sản chung. Xét yêu cầu trên là tự nguyện. Đề nghị HĐXX đình chỉ giải quyết vụ án về yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà T, ông B.

- Về nợ chung: Ông B xác định không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Ngày 10,12 tháng 4 năm 2018, bà Huỳnh Thị T khởi kiện và khởi kiện bổ sung vụ án Hôn nhân và Gia đình, về việc "Ly hôn" đối với ông Dương Phước B, nơi cư trú: Số nhà A đường B, tổ C, phường D, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; ngày 19/4/2018 Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo trình tự tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án được quy định tại Điều 191, Điều 195 và khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về nội dung: Tại phiên tòa, bà Huỳnh Thị T cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, quan điểm sống không hợp dẫn đến tình cảm rạn nứt thời gian dài nên không thể cứu vãn được nữa. Vợ chồng tôi đã sống ly thân từ gần 01 năm nay, phần ai đây sống không còn quan tâm gì đến nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Dương Phước B. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tại phiên tòa thể hiện: Hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị T và ông Dương Phước B là hợp pháp; nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng như bà T trình bày được ông B thừa nhận. Do đó, HĐXX có căn cứ khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và đời sống chung không thể kéo dài, tại phiên tòa bà T có nguyện vọng được ly hôn, ông B cũng đồng ý. Xét yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp với Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình nên HĐXX chấp nhận.

- [3] Về quan hệ con chung: Việc nuôi dưỡng, dạy dỗ con cái là nghĩa vụ của cha mẹ, ai cũng có quyền này. Tại phiên tòa hôm nay, bà T có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung là Dương Huỳnh Tuyết N - sinh ngày 16/7/2003, xét yêu cầu nuôi con của bà T phù hợp với nguyện vọng của cháu N và ông B không có ý kiến phản đối nên HĐXX chấp nhận. Đối con chung Dương Thị Ngọc B - sinh ngày 10/10/1994 đã trưởng thành tự có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên Tòa án không xem xét giải quyết.
- [4] Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con, tại phiên tòa bà T yêu cầu ông B cấp dưỡng phí tổn nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đ cho đến khi con trưởng thành, ông B đồng ý nên HĐXX chấp nhận.
- [5] Về tài sản chung: Tại phiên tòa hôm nay, bà T rút yêu cầu chia tài sản chung. Xét yêu cầu trên của bà T là tự nguyện, phù hợp với 217 của Bộ luật tố tụng dân sự nên HĐXX chấp nhận, đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng. Hậu quả của việc đình chỉ là khi đình chỉ giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình đối với yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, đương sự vẫn có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự theo quy định pháp luật; Số tiền tạm ứng án phí Dân sự chia tài sản chung sẽ được hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị Kim T theo quy định pháp luật.
- [6] Án phí và chi phí tố tụng khác:
- Về án phí: Bà Huỳnh Thị T, ông Dương Phước B phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số:326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng án phí lệ phí Tòa án" của Ủy ban thường vụ quốc hội.
 - Về chi phí tố tụng khác: Bà Huỳnh Thị T và ông Dương Phước B thỏa thuận chịu 18.000.000đ chi phí Thẩm định giá tài sản, chia phần mỗi người chịu 9 triệu đồng. Số tiền trên bà T đã thanh toán 16 triệu đồng ông B thanh toán 2 triệu đồng cho Chi nhánh Công ty Cổ phần định giá tài sản BTC. Do đó ông B phải có nghĩa vụ thối trả lại cho bà Huỳnh Thị T số tiền là 7 triệu đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, 56, 58, 59, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và Gia đình; Điều 217, 218 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng án phí lệ phí Tòa án" của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị T được ly hôn với ông Dương Phước B.

2/ Về con chung: Bà Huỳnh Thị T có nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung Dương Huỳnh Tuyết N - sinh ngày 16/7/2003. Ông Dương Phước B có nghĩa vụ cấp dưỡng phí tổn nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 15.10.2018.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ của mình thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Khi ly hôn cha, mẹ đều có các quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3/ Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà Huỳnh Thị T.

4/ Án phí và chi phí tố tụng khác:

- Về án phí:

Bà Huỳnh Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào tổng số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 008176 ngày 18.4.2018, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Ông Dương Quốc B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự cấp dưỡng nuôi con chung.

Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị T số tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm là 31.000.000đ (ba mươi một triệu đồng) đã nộp theo biên lai thu số: 008177 ngày 18 tháng 4 năm 2018, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

- Chi phí thẩm định giá tài sản: Ông Dương Phước B có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà Huỳnh Thị T số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng).

5/ Án xử sơ thẩm, báo cho nguyên đơn, bị đơn biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các bên đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- UBND Thị trấn Khâm Đức; huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam;
- Lưu Hồ sơ.

Nguyễn Hoàng Vũ

